

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2020

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÒA BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Hải Dương**

+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Trọng Đức**
Ông **Vũ Mạnh Tùng**

+ Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị T Huyền**- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QQĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị T**, sinh năm 1986 – Có mặt.

Trú tại: đường Nguyễn Công E, phố Đ, thành phố N, tỉnh N.

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn A**, sinh năm 1981 – Vắng mặt.

Trú tại: xóm M, xã K, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà **Bùi Thị T1**- Trợ giúp viên pháp lý Tộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình – Có mặt.

- Người làm chứng: Bà **Vũ Thị L**, sinh năm 1956 – Có mặt.

Trú tại: đường Nguyễn Công E, phố Đ, thành phố N, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/5/2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Dương Thị T** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị **Dương Thị T** và anh **Bùi Văn A** kết hôn năm 2016, kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau đi làm ăn trong miền nam, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc không lâu thì nảy sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm của mâu thuẫn là dịp tết nguyên đán năm 2020. Nguyên nhân chính là do anh A ngoại tình, bản thân chị đã khuyên bảo và đã nhờ hai bên gia đình can thiệp nhưng anh A không sửa đổi do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị T đã đưa con về nhà mẹ để sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho

đến nay. Nhận thấy vợ chồng chung sống không có hạnh P nên chị Dương Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Bùi Văn A.

- Về con chung: Chị Dương Thị T và anh Bùi Văn A có 01 con chung là Bùi Anh P, sinh ngày 23/10/2017. Hiện nay đang sống cùng chị T, vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu P và chưa yêu cầu anh A đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 01/7/2020 bị đơn anh Bùi Văn A trình bày:

- Về tình cảm: anh A thừa nhận quá trình và thời gian kết hôn giữa anh và chị Dương Thị T phù hợp với việc chị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng vào miền nam làm ăn sinh sống nhưng không cắt chuyển khẩu vẫn đăng ký nhân khẩu thường trú tại xóm Mền 1, xã K, huyện Y, tỉnh Hòa Bình, hai bên gia đình nội ngoại có công việc, sự kiện gì vợ chồng vẫn về. Thời gian này vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2019 vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, cãi cọ sau đó chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thành phố N, tỉnh N sinh sống, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay, anh A có gọi điện và khuyên chị T nhưng không được mà càng làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng hơn. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn thì quan điểm của anh A đồng ý nhưng với điều kiện chị T để con lại cho A trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về con chung: anh A khai nhận A và chị T có 01 con chung là Bùi Anh P, sinh ngày 23/10/2017. Vợ chồng ly hôn anh A nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chưa yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Bùi Thị T1 nêu quan điểm và đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị T; cụ thể đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Bùi Văn A; Về con chung: Căn cứ khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Bùi Anh P sinh ngày 23/10/2017 cho nguyên đơn Dương Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, chị T chưa yêu cầu bị đơn Bùi Văn A cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến, nêu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của HĐXX, Thư ký tòa án tại phiên tòa:

- Thư ký đã tiến hành phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra sự có mặt, vắng mặt của người tham gia phiên tòa theo đúng quy định tại điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thành phần Hội đồng xét xử đúng với thành phần hội đồng xét xử, quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đã nêu tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Chủ tọa phiên tòa và HĐXX đã điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại các điều từ điều 222 đến điều 263 BLTTDS về phiên tòa

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong việc nộp đơn khởi kiện, nộp tiền tạm ứng án phí, cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa án theo quy định tại Điều 70, 71, 227 và chấp hành nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Bị đơn: Chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72, 227 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn Bùi Văn A đã vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải lần 2, tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 03/8/2020 và lần thứ hai ngày 17/8/2020.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 75, 76 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn cố tình vắng mặt không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51; 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị T, cụ thể xử cho chị Dương Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn A.

2. Về con chung: giao cháu Bùi Anh P, sinh ngày 23/10/2017 cho chị Dương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (18 tuổi), chị T chưa yêu cầu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị T, bị đơn anh Bùi Văn A có hộ khẩu thường trú tại xóm M, xã K, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án kiện xin ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và A Bùi Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân tiến bộ và

hợp pháp. Xét về đời sống hôn nhân giữa chị T và anh A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn giữa chị T và anh A chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm không đồng nhất trong phát triển kinh tế gia đình, không có sự hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân. Ngoài ra, anh A còn có lối sống buông thả không chung thủy nên làm cho cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh A đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay; xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh A lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T.

[3.2] Về con chung: Chị Dương Thị T và anh Bùi Văn A có 01 con chung là Bùi Anh P, sinh ngày 23/10/2017. Hiện nay cháu P đang sống cùng chị T, vợ chồng ly hôn chị T nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh A đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Tại thời điểm vụ án được xét xử cháu P dưới 3 tuổi; căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị T, chị T chưa yêu cầu anh A đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[3.3] Về tài sản, công nợ chung: Không có, chị T, anh A không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3.4] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Tuyên xử:

- Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị chị Dương Thị T, cụ thể xử cho chị Dương Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn A.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Anh P, sinh ngày 23/10/2017 cho chị Dương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Dương Thị T chưa yêu cầu nên HĐXX không đề cập xem xét.

- Anh Bùi Văn A có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị T phải nộp 300.000^d (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai T số 0005977 ngày 20/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xin xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã K;
- Các đương sự; TGVPL;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Hải Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Trọng Đức Vũ Mạnh Tùng

Vũ Hải Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Trọng Đức Vũ Mạnh Tùng

Vũ Hải Dương

